

Bản án số: 20/2025/HS- ST
Ngày: 16/4/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tổng Như Hải

2. Ông Phạm Mạnh Cường.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Hoà- Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST- HS ngày 19 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Th- sinh ngày 04 tháng 9 năm 1962 tại huyện X, Thành phố Hà Nội; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như M (đã chết) và bà Lý Thị T2, sinh năm 1934; có chồng là Nguyễn Đức M, sinh năm 1960 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 24/01/2025 đến ngày 24/3/2025; hiện tại ngoại tại xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Nghĩa B, sinh năm 1983

Trú tại: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1979

Trú tại: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Chị Phạm Thuỳ D, sinh năm 1997

Trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

4. Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1969

Trú tại: Khu 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã tiếp nhận nguồn tin tố giác tội phạm về việc Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962, trú tại khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho một số người vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Nghĩa B, sinh năm 1983, trú tại khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 03/12/2022, tại khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị Th cho chị Nguyễn Thị Nghĩa B vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với lãi suất là 100.000 đồng/1 triệu/1 tháng, tương ứng 1.500.000 đồng/15.000.000 đồng/1 tháng, tương đương với lãi suất 120%/năm, gấp 06 lần lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tính hết ngày 03/12/2024, chị B đã trả đủ cho Th 24 tháng tiền lãi (từ 03/12/2022 đến 03/12/2024) tương ứng với số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) và nợ 15.000.000 đồng tiền gốc. Th và chị B thống nhất chỉ tính lãi khoản vay của chị B đến ngày 03/12/2024. Tổng số tiền lãi Th đã thu của chị B là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định của Nhà nước tối đa là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Như vậy, số tiền Th được lợi bất chính là **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng).

2. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1979, trú tại khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 18/12/2023, tại khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị Th cho chị Trần Thị T1 vay 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) với lãi suất là 100.000 đồng/1.000.000 đồng/1 tháng, tương ứng 1.400.000 đồng/14.000.000 đồng/1 tháng, tương đương với lãi suất 120%/năm vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 06 lần. Tính đến hết ngày 18/12/2024, chị T1 đã trả đủ cho Th 12 tháng tiền lãi (từ 18/12/2023 đến 18/12/2024) tương ứng với số tiền 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Đến nay, chị T1 vẫn nợ 14.000.000 đồng tiền gốc của Th. Th và chị T1 thống nhất chỉ tính lãi khoản vay của chị T1 đến ngày 18/12/2024. Tổng số tiền lãi Th đã thu của chị T1 là 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định của Nhà nước tối đa là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng). Như vậy, số tiền Th thu lợi bất chính là **14.000.000 đồng** (Mười bốn triệu đồng).

3. Chị Phạm Thuỳ D, sinh năm 1997, trú tại khu 2, thị trấn T, huyện T.

Ngày 05/12/2024, tại khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị Th cho chị Phạm Thuỳ D vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Lúc này, do không có tiền nên Th đã vay của ông Phạm Hồng S, sinh năm 1969, trú tại khu 10, thị trấn T với lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương ứng 70.000 đồng/70.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất 36,5%/năm (vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 1,83 lần). Th sử dụng số tiền 70.000.000 đồng đã vay của ông S để cho chị D vay. Đến ngày 08/12/2024, chị D trả cho Th tổng số tiền 71.000.000đ, gồm khoản vay 70.000.000đ và 1.000.000đ tiền lãi (cho 04 ngày vay) tương đương với lãi suất 130,4%/năm vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 6,52 lần. Th và chị D thống nhất chỉ tính lãi khoản vay của chị D đến ngày 08/12/2024. Số tiền lãi được thu theo quy định của Nhà nước tối đa là: 153.425 đồng (Một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm

hai mươi lăm đồng). Như vậy, số tiền Th thu lợi bất chính là **846.575 đồng** (Tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Sau đó, Th mang 70.000.000 đồng đến trả cho ông S, ông S tính tiền lãi cho 04 ngày vay là 280.000 đồng. Số tiền lãi được thu theo quy định của Nhà nước tối đa là: 153.425 đồng (Một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Như vậy số tiền ông S thu lợi bất chính là 126.575 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, do đã quen biết Th từ trước và thời gian vay ngắn nên ông S cho không lấy tiền lãi của Th.

Ngày 12/12/2024, tại khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ, chị D do cần tiền gấp nên tiếp tục vay của Nguyễn Thị Th 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Do không có tiền nên Th hỏi vay ông Phạm Hồng S số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất là 1.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tương ứng 70.000 đồng/ 70.000.000 đồng/ngày tương đương với lãi suất 36,5%/năm vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 1,83 lần. Ông S tiếp tục sử dụng số tiền 70.000.000 đồng Th trả ngày 08/12/2024 để cho Th vay. Sau đó, Th sử dụng số tiền 70.000.000 đồng trên để cho chị D vay. Đến ngày 14/12/2024, chị D trả cho Th số tiền vay này, Th tính lãi là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) cho 03 ngày vay (từ ngày 12 đến 14/12/2024) tương đương với lãi suất 121,6%/năm vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 6,08 lần. Th và chị D thống nhất chỉ tính lãi khoản vay của chị D đến ngày 14/12/2024. Chị D đã trả đủ 70.000.000 đồng tiền gốc và 700.000 đồng tiền lãi cho Th. Số tiền lãi được thu theo quy định của Nhà nước tối đa là: 115.068 đồng (Một trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám nghìn), Như vậy, số tiền Th thu lợi bất chính là **584.932 đồng** (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

Cùng ngày, Th mang 70.000.000 đồng đến trả tiền vay cho ông S, ông S tính tiền lãi cho 03 ngày vay là 210.000 đồng. Số tiền lãi được thu theo quy định của Nhà nước tối đa là: 115.068 đồng (Một trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Như vậy số tiền ông S thu lợi bất chính là 94.932 đồng (Chín mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai nghìn đồng). Tuy nhiên, ông S cũng không lấy tiền lãi của Th.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên: Do bản thân đã nhiều tuổi nên Th nảy sinh ý định cho vay để lấy tiền lãi chi tiêu cá nhân. Nguồn gốc số tiền để cho vay là do lao động tích góp mà có.

Đối với ông Phạm Hồng S: Ông S cho Nguyễn Thị Th vay số tiền 70.000.000 đồng 02 lần, với lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng 70.000 đồng/70.000.000 đồng/ngày tương đương với lãi suất 36,5%/năm vượt khi quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 1,83 lần. Tổng số ngày Th vay tiền của ông S là 07 ngày, tương đương với tổng số tiền lãi 490.000 đồng (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Số tiền lãi này, ông S cho Th và chỉ thu lại tiền gốc. Hành vi của ông Phạm Hồng S vi phạm hành chính phạm vào Điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Ngoài ra, ông Phạm Hồng S còn khai nhận từ năm 2020 đến nay, ông S còn cho 08 người vay với tổng số tiền là 502.000.000 đồng (Năm trăm linh hai triệu đồng) với lãi suất dao động từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Nội dung

này hiện đang giải quyết trong vụ án Đánh bạc xảy ra tại khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 23/01/2024 theo Quyết định khởi tố vụ án số 55 ngày 26/12/2024, của Cơ quan CSĐT Công an huyện T. Do vậy, phần tài liệu có liên quan đến việc ông S cho vay lãi trong vụ án này được chuyển để xem xét xử lý trong vụ án đánh bạc nêu trên.

Về vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ, kết quả điều tra xác định:

+ 01 (một) sổ phụ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, tên khách hàng Nguyễn Thị Th, địa chỉ: khu C, xã Q, T, Phú Thọ, số tài khoản 2711205324112, thời gian từ ngày 03/01/2023 đến 30/11/2024.

+ 01 (một) sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ ngày 20/07/2024 đến ngày 31/12/2024, tên khách hàng: Nguyễn Thị Th, số tài khoản 109873962888, địa chỉ: Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đây là sổ phụ và sao kê chi tiết hai tài khoản Ngân hàng mà Nguyễn Thị Th sử dụng để nhận số tiền lãi từ Nguyễn Thị Nghĩa B và Phạm Thị T1. Vật chứng trên được lưu trong hồ sơ làm căn cứ xử lý vụ án.

+ 01 (một) Giấy vay tiền đề tên Nguyễn Thị Nghĩa B, sinh ngày 21/3/1983, hộ khẩu: khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đề ngày 03/12/2022.

+ 01 (một) Giấy vay tiền đề tên Trần Thị T1, sinh ngày 3/3/1979, hộ khẩu: khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đề ngày 18/12/2023.

Đây là 02 giấy vay tiền của Nguyễn Thị Nghĩa B và Phạm Thị T1 viết khi vay tiền để giao cho Nguyễn Thị Th. Vật chứng trên được lưu trong hồ sơ làm căn cứ xử lý vụ án.

+ 01 (một) bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 18E8000994, đăng ký lần đầu ngày 03/01/2007 do UBND huyện T cấp.

Đây là bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề cầm đồ của Nguyễn Thị Th. Vật chứng trên được lưu trong hồ sơ làm căn cứ xử lý vụ án.

+ 01 (một) bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 18E8003182 ngày 01/04/2016 của UBND huyện T cấp.

Đây là bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề cầm đồ của Nguyễn Thị Th. Vật chứng trên được lưu trong hồ sơ làm căn cứ xử lý vụ án.

Hành vi cho vay lãi nặng do bị can thực hiện đã xâm phạm trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước và lợi ích vật chất của người đi vay, nên cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Th khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như Cáo trạng truy tố.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố đối với và đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt Nguyễn Thị Th từ **60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng**.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với chị Nguyễn Thị Bình: Vay tiền gốc của Th với số tiền 15.000.000 đồng, số tiền Th thu lời bất chính của chị B là 30.000.000 đồng, số tiền lãi tối đa

được thu theo quy định của Nhà nước chị B đã trả cho Th là 6.000.000 đồng. Chị B đã trả cho Th tiền gốc 15.000.000 đồng.

Như vậy buộc Th trả cho chị B = $30.000.000 - 15.000.000 = 15.000.000$ đồng.

- Đối với chị Trần Thị T1: Vay tiền gốc của Th với số tiền 14.000.000 đồng, số tiền Th thu lời bất chính của chị T1 là 14.000.000 đồng, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định của Nhà nước chị T1 đã trả cho Th là 2.800.000 đồng. Như vậy số tiền Th đã thu lời bất chính của chị T1 được trừ đủ vào số tiền gốc đã vay 14.000.000 đồng.

- Đối với chị Phạm Thuỳ D: Vay tiền gốc 02 lần của Th với tổng số tiền 140.000.000 đồng, số tiền Th thu lời bất chính của chị D là 1.431.507 đồng, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định của Nhà nước chị D đã trả cho Th là 268.493 đồng. Số tiền gốc 140.000.000 đồng chị D đã trả đủ cho Th. Chị D không có yêu cầu gì đối với Th về số tiền lãi thu lời bất chính.

- Truy thu số tiền $169.000.000 + 9.068.493 = 178.068.493$ đồng (làm tròn thành 178.068.000 đồng) là số tiền Th đã cho vay và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất của BLDS mà Th đã thu của người vay.

d) Về án phí: Áp dụng khoản 1,2 điều 135 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Th, do bị cáo là người cao tuổi.

Bị cáo Nguyễn Thị Th không tranh luận, không bào chữa.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Do hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi liên quan, lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2024 tại khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thị Th đã cho 03 người vay tiền với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm), thu lời bất chính số tiền **45.431.507 đồng**, cụ thể:

+ Cho chị Nguyễn Thị Nghĩa B vay 15.000.000 đồng (từ 03/12/2022 đến 03/12/2024) với lãi suất 100.000đ/1.000.000đ/1 tháng, tương đương 120%/năm (gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lời bất chính 30.000.000 đồng.

+ Cho chị Trần Thị T1 vay 14.000.000 đồng (từ 18/12/2023 đến 18/12/2024) với lãi suất 100.000đ/1.000.000đ/1 tháng tương đương 120%/năm (gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự lãi suất được quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lời bất chính 14.000.000 đồng.

+ Cho chị Phạm Thùy D vay tiền 02 lần: Lần 1 (70.000.000 đồng từ ngày 05/12/2024 đến ngày 08/12/2024 với lãi suất 3.517đ/1.000.000đ/ngày tương đương với 130.4%/năm (gấp 6.52 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lời bất chính **846.575 đồng**); Lần 2 (70.000.000 đồng từ ngày 12/12/2024 đến ngày 14/12/2024 với lãi suất 3.333đ/1.000.000đ/ngày tương đương 121.6%/năm (gấp 6.08 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lời bất chính **584.932 đồng**).

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xác định: Nguyễn Thị Th đã có 01 lần cho vay nặng lãi thu lời bất chính 30.000.000 đồng và hành vi cho vay lãi nặng này chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; còn các lần cho vay nặng lãi khác số tiền thu lời bất chính đều dưới 30.000.000 đồng và đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; nên Th phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền thu lời bất chính là **45.431.507 đồng** của các lần cho vay lãi nặng nêu trên.

[3]. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị Th đã phạm vào tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

[4]. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Th đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, vì vậy phải xử lý nghiêm. Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng. Bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại điểm i, s khoản 1 Bộ luật Hình sự. Xét Nguyễn Thị Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo chỉ trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự, vì vậy xử phạt bị cáo hình phạt tiền, mức phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Do Nguyễn Thị Th không giữ chức vụ hoặc làm nghề gì đặc biệt, và bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

- Các vật chứng là giấy tờ, tài liệu đã được đánh số bút lục, lưu trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử không phải xử lý, bao gồm:

+ 01 (một) sổ phụ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, tên khách hàng Nguyễn Thị Th, địa chỉ: khu C, xã Q, T, Phú Thọ, số tài khoản 2711205324112, thời gian từ ngày 03/01/2023 đến 30/11/2024.

+ 01 (một) sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ ngày 20/07/2024 đến ngày 31/12/2024, tên khách hàng: Nguyễn Thị Th, số tài khoản 109873962888, địa chỉ: Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Đây là sổ phụ và sao kê chi tiết hai tài khoản Ngân hàng mà Nguyễn Thị Th sử dụng để nhận số tiền lãi từ chị Nguyễn Thị Nghĩa B và chị Phạm Thị T1).

+ 01 (một) Giấy vay tiền đề tên Nguyễn Thị Nghĩa B, sinh ngày 21/3/1983, hộ khẩu: khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đề ngày 03/12/2022.

+ 01 (một) Giấy vay tiền đề tên Trần Thị T1, sinh ngày 3/3/1979, hộ khẩu: khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đề ngày 18/12/2023.

(Đây là 02 giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị Nghĩa B và chị Trần Thị T1 viết khi vay tiền để giao cho Nguyễn Thị Th).

+ 01 (một) bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 18E8000994, đăng ký lần đầu ngày 03/01/2007 do UBND huyện T cấp.

+ 01 (một) bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 18E8003182 ngày 01/04/2016 do UBND huyện T cấp.

(Đây là bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề cầm đồ của Nguyễn Thị Th).

- Quá trình điều tra và tại phiên toà đã làm rõ: Số tiền gốc bị cáo sử dụng cho vay lãi nặng đến nay chị Phạm Thuỳ D đã trả đủ cho bị cáo là 140.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Nghĩa B nợ 15.000.000 đồng; chị Trần Thị T1 còn nợ 14.000.000 đồng. Số tiền gốc này và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo thực tế đã thu của người vay cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Số tiền lãi vượt quá 20%/năm mà Nguyễn Thị Th đã thu của những người vay (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án), là khoản thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo trả lại cho họ. Trong giai đoạn điều tra, chị Phạm Thuỳ D tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả khoản tiền bị cáo đã thu lợi bất chính của chị D là 1.431.507 đồng, vì vậy không cần buộc bị cáo trả lại khoản tiền này cho chị D. Chị Nguyễn Thị Nghĩa B và chị Trần Thị T1 chưa trả tiền gốc cho bị cáo, nên khi tính toán số tiền bị cáo phải trả cho họ sẽ đối trừ.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Th là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Nguyễn Thị Th.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về tội danh, hình phạt, biện pháp tư pháp, án phí cũng phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ Luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt Nguyễn Thị Th 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị Th toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay lãi nặng là 169.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo thực tế đã thu của những người vay là 9.068.493 đồng (Chín triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng); tổng cộng hai khoản là 178.068.493 đồng, làm tròn là 178.068.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

(Bị cáo Nguyễn Thị Th chưa nộp số tiền trên).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Nghĩa B 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), đối trừ số tiền gốc chị B còn nợ của bị cáo là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), bị cáo còn phải trả cho chị B 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị T1 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), đối trừ số tiền gốc chị T1 còn nợ của bị cáo là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), bị cáo đã trả đủ cho chị T1.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Th, do bị cáo là người cao tuổi.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Minh Hoà